TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/DS-PT
Ngày 25-3-2021
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLPT-DS ngày 07/01/2021 về việc "tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2021/QĐ-PT ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trương Hồng C, sinh năm 1959; địa chỉ: tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1993; địa chỉ liên hệ: Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2019).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Phương L; sinh năm 1963; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thu T1, sinh năm 1964; địa chỉ: thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2019).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Phương L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện ngày 14/6/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trương Hồng C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng Q trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, nên vào ngày 22/11/2007, ông Trương Hồng C có gửi bà Lê Thị Phương L: 103.000 USD, 07 lượng vàng SJC và 05 lượng vàng nhẫn (vàng 24K 9999). Việc gửi giữ này có lập thành biên nhận ngày 22/11/2007. Bà L viết và ký tên vào tờ "Biên nhận ngày 22/11/07". Hiện nay, ông C có nhu cầu lấy lại tài sản nên yêu cầu Bà L trả lại nhưng phía Bà L không thực hiện việc trả lại số tài sản trên.

Nay ông Trương Hồng C yêu cầu bà Lê Thị Phương L trả lại 103.000 USD, 07 lượng vàng SJC (07 cây vàng SJC), 05 lượng vàng nhẫn (vàng 24K 9999). Đối với tài sản là vàng, ngoại tệ yêu cầu quy ra bằng tiền đồng Việt Nam, tương ứng với tỷ giá tại thời điểm xét xử.

**** Quá trình tố tụng, tại Biên bản hòa giải ngày 30/7/2020 và Biên bản hòa giải ngày 21/8/2020, bà Nguyễn Thu T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày*:**

Bị đơn bà Lê Thị Phương L đồng ý với kết quả giám định ngày 05/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương và không yêu cầu giám định lại, Bà L có ý kiến như sau:

Do có mối quan hệ quen biết, nên vào năm 2007 Bà L có nhận gửi của ông Trương Hồng C số tài sản là: 103.000 USD, 07 lượng vàng SJC và 05 lượng vàng nhẫn (vàng 24K 9999).

Số tiền USD và số vàng trên là do ông C gửi cho Bà L là để kinh doanh bất động sản, khi nào Bà L có lời thì chia số tiền lời cho ông C. Năm 2008, tình hình bất động sản bị đóng băng, theo yêu cầu của ông C chuyển qua việc Bà L phải trả tiền lãi, Bà L có trả tiền lãi cho ông C với lãi suất 5%/tháng. Việc trả lãi này thực hiện cho đến năm 2013. Do hai bên tin tưởng nhau nên mỗi lần Bà L trả tiền cho ông C đều không có lập biên bản giao nhận gì.

Đến năm 2013, Bà L và ông C có ngồi lại với nhau ký xác nhận là ông C đã nhận lại số tiền vàng mà hai bên đã gửi giữ, nhưng hiện tại tờ giấy xác nhận giữa hai bên đã bị thất lạc. Bà L kêu gọi lương tâm của ông C để hai bên có thể giải quyết vụ việc. Ông C là linh mục, ông C đã thực sự nhận số tiền bao nhiêu thì hãy xem xét lại về việc Bà L đã trả cho ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hồng C đối với bị đơn bà Lê Thị Phương L về việc: "Tranh chấp kiện đòi tài sản" như sau:

Buộc bị đơn bà Lê Thị Phương L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trương Hồng C số tiền 3.068.490.000 đồng (tương đương với giá trị của 103.000 USD, 07 lượng vàng SJC và 05 lượng vàng nhẫn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí trưng cầu giám định, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, kháng nghị, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 09/10/2020, bị đơn bà Lê Thị Phương L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị đơn cung cấp hai chứng cứ mới là Giấy ghi ngày 10/08/2016 và Biên nhận ngày 22/11/07 có ghi thêm dòng chữ "ngày 20/10/2016 tôi L trả đủ vàng và tiền cho ông C". Đại diện bị đơn thừa nhận do bị đơn ghi thêm vào Biên nhận ngày 22/11/07; đối với Giấy ghi ngày 10/08/2016 thể hiện các đợt thanh toán tiền vàng của nguyên đơn cho bị đơn thì đại diện bị đơn thừa nhận nội dung văn bản do Bà L ghi, nhưng phía dưới văn bản là chữ ký và chữ viết "Trương Hồng C" là của nguyên đơn, tuy nhiên nguyên đơn không thừa nhận. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông C trong tài liệu này. Xét thấy các chứng cứ này là căn cứ để xác định bị đơn có trả tiền cho nguyên đơn hay chưa và là căn cứ giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến giám định chứng cứ của các đương sự, tạm ngừng phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại cấp sơ thẩm, Bà L trình bày do sự việc đã lâu, Bà L có thay đổi chỗ ở nên bị thất lạc các chứng cứ chứng minh cho việc đã trả đủ tiền và vàng cho ông C.

[2] Tại cấp phúc thẩm, Bà L cung cấp chứng cứ chứng minh là đã trả lại tài sản cho ông C theo nội dung được ghi thêm trong Biên nhận ngày 22/11/07 (dòng chữ ghi thêm *"ngày 20/10/2016 tôi L trả đủ vàng và tiền cho ông C")* và giấy xác nhận nhận lại tài sản ngày 20/10/2016 có chữ ký và ghi họ tên Trương Hồng C, theo đó ông C nhận lại tài sản gồm 04 đợt với tổng số là 75.000 USD + 07 lượng vàng JVC và 05 lượng vàng nhẫn.

Bà L trình bày do sự việc quá lâu, có thay đổi chỗ ở nên làm thất lạc giấy tờ, sau khi xét xử sơ thẩm Bà L tiếp tục tìm kiếm và tìm được chứng cứ nên giao nộp cho Tòa án.

[3] Thấy rằng:

Việc cung cấp chứng cứ bổ sung, chứng cứ mới của Bà L là phù hợp với quy định tại Điều 287 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bởi lẽ, văn bản giao dịch giữa hai bên diễn ra từ năm 2007 nhưng không có công chứng hoặc chứng thực, cho

đến năm 2020 thì mới có đơn khởi kiện tranh chấp của ông C, thời gian đã lâu nên việc thất lạc chứng cứ là phù hợp với thực tế khách quan.

Đối với dòng chữ ghi thêm vào Biên nhận ngày 22/11/07 rằng *"ngày 20/10/2016 , tôi L trả đủ vàng và tiền cho ông C"*: Người đại diện hợp pháp của Bà L thừa nhận là chính Bà L tự ghi thêm, không có chữ ký xác nhận của ông C.

Chứng cứ mà Bà L cung cấp (ngày 10/08/2016) có chữ ký xác nhận và ghi họ tên rõ ràng của ông C, ghi nội dung ông C có nhận lại tài sản từ Bà L bao gồm 04 đợt với tổng số tiền là 75.000 USD + 07 lượng vàng JVC và 05 lượng vàng nhẫn. Hai bên đều yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký của ông C trong tài liệu này để có căn cứ xác định việc giao trả tài sản giữa hai bên. Đây là các chứng cứ quan trọng để xác định Bà L có trả lại tài sản cho ông C hay chưa? Hoặc trả bao nhiêu? Nhưng chưa được xem xét đánh giá từ cấp sơ thẩm.

Để đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm như quy định tại Điều 17 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì cần phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá chứng cứ trong vụ án cho toàn diện, đảm bảo quyền của các đương sự như quy định của pháp luật.

[4] Với phân tích trên, kháng cáo của Bà L được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc tạm ngừng phiên tòa là không cần thiết.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên bị đơn bà Lê Thị Phương L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị Phương L không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương trả cho bà Lê Thị Phương L 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050487 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa KT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Minh Đa